

## ĐẠI NHẬT NHƯ LAI KIẾM ẤN

Phạn Việt dịch : VỌNG CHI \_ HUYỀN THANH

Chắp hai tay lại để ngang trái tim, co 2 lóng giữa của ngón trỏ để nằm ngang dính nhau , dùng 2 ngón cái kèm đè lóng trên của 2 ngón trỏ như hình cây kiếm. Kết Ấn này liền quán trong trái tim của mình có hoa sen 8 cánh, ở trong hoa tưởng chữ A(አ) phóng ra ánh sáng màu vàng tương ứng với Ấn, tưởng chữ A(አ) kia rốt ráo là Tất cả Pháp vốn chẳng sinh . Liên tụng Chân Ngôn là:

ના સમા દ્વારા માણિતું હતું

Ná mô tam mān đa māu đà nam. Ac vī la hōng khiêm

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ A VIRA HŪM KHĀM

Tiếp tụng Chân Ngôn 108 biến. Dùng Kiếm Ấn như lúc trước gia trì 5 nơi trên thân mình là: Vầng trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng rồi bung Ấn trên đỉnh đầu.

**Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Ấn:** Trước tiên chắp tay. Đem 2 ngón vô danh , 2 ngón út , bên phải đè bên trái cùng chĩa vào trong lòng bàn tay. Dựng thẳng 2 ngón giữa rồi co lóng thứ nhất cùng dính đầu ngón như hình cây kiếm. Hai ngón cái nhập vào lòng bàn tay , duỗi bằng 2 ngón trỏ rồi co 2 đầu ngón đè lên móng 2 ngón cái, 2 đều ngón trỏ chạm nhau. Đây gọi là **Đỉnh Luân Vương Căn Bản Ấn**

Tụng rằng:

Ấn này Ma Ha Ấn ( Mahā Mudra \_ Đại Ấn)

Ấy là Như Lai Đỉnh

Vừa mới kết tác xong

Liền đồng với Bản Tôn

\_ Đỉnh Luân Vương Chân Ngôn:

ના સમા દ્વારા માણિતું

**Nắng mạc tam mān đa māu đà nam. Ấn** ( Nếu có cầu thỉnh, mong cầu tất cả việc thì ở đây nêu thêm Khổng Tước Vương Đà La Ni શબ્દ-લો-અન

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ OM BHRŪM

Tiếp kết **Khổng Tước Vương Ấn** : Đem 2 tay cùng chĩa nhau bên trong, dựng thẳng Đàm Tuệ (2 ngón út) sao cho đầu ngón dính nhau, cũng dựng thẳng Thiền Trí (2 ngón cái) cùng dính nhau thí Ấn ấy liền thành. Tụng Chân Ngôn 3 biến hoặc 7 biến và hợp tụng với Đỉnh Luân Vương , nên nêu thêm câu Chân Ngôn này. Tụng Chân Ngôn là:

શ મયુરા ક્રાન્તા શવા

Ấn, ma dữu la ca-lan đế , sa-phộc hạ

OM \_ MAYURĀ KRANTĀ (?MAYŪRĀ KRĀNTE) SVĀHĀ

Nếu dùng Tâm Thường trì niệm Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Chân Ngôn thì nên tụng riêng Khổng Tước Vương Chân Ngôn, cũng nên tụng riêng Pháp của Gia Cú này (Câu gia thêm), thân cận với bậc A Xà Lê (Đạo Sư). Vì thế dùng miệng để truyền thụ việc tu Du Già, nên biết như vậy.

\_ Kim Cương Giải Thoát Chân Ngôn là:

ॐ रक्ष सर्व शः

**Án, phật nhât-la, mô khất-xoa, mục**

OM \_ VAJRA MUKSHA MUH

\_ Diệp Y Quán Thế Âm Bồ Tát Chân Ngôn là:

ॐ पल्ना चावरि हुम् फत्

**Án, Bả lì-ná xả phật lì, hồng, phát tra**

OM \_ PALNA CAVARI (?PALÀ'SAMBARÌ) HÙM PHAT

\_ Trí Cự Như Lai Chân Ngôn:

ॐ मृदु अनंत समुद्रे ब्रह्म ओ ज्ञान दण्ड एव  
एव ल

**Nắng mô a sắt-tra thủy đế nam, tam miêu tam một đà củ chi nam. Án, chỉ-nương nắng, phật bà tế, đị lị địa lị, hồng**

NAMO ASTA 'SITINAM SAMYASAMBUDDHÀ (?ASTA A'SITINÀM  
SAMYAKSAMBUDDHA) KOTINÀM \_ OM JÑANA VABHÀSE  
(?AVABHÀSE) DHIRI DHIRI HÙM

\_ Đại Bi Tùy Tâm Chân Ngôn:

ॐ पश्च एक अग्रगति एवं एष्टु अक्षु अक्षु लं

**Án, bát đát-ma tả cật-la thương khu nga na, đà la ninh, nê la kiến-thá tất  
địa-dã tất địa-dã, hồng**

OM PADMA ŚAKRA (?CAKRA) 'SAMKHAGADÀ DHÀRÀNI \_  
NILALLÀ SIDYA SIDYA (?NÌLAKANTHA SIDDHYA SIDDHYA) HÙM

\_ Da La Bồ Tát Chân Ngôn:

ॐ तर तर तर शन

**Án, đá lị, đô đá lị, đô lị lị, sa-phật hạ**

OM \_ TARE TUTARE TURERE (?TÀRE TUTTÀRE TURE) SVÀHÀ

\_ Như Lai Cà Sa Chân Ngôn:

ॐ रक्ष सर्व एव अस्ति त्वा शन

**Án, lạc khất-xoa, tát phật một đà địa thất-xỉ đá đát-ma tử phật la, sa-phật hạ**

OM \_ RAKSHA SARVA BUDDHA ADHIŚTITA ATMA CÌVARA  
SVÀHÀ

\_ Nhất Tự Đỉnh Luân:

ጀ

Bộ-lỗ án

BHRŪM

\_ Kim Cương Diên Mệnh Chân Ngôn:

ጀ ର୍ମ ଥ୍ର ଥ୍ର ଥ୍ର

An, phộc nhật-la dụ sai, sa-phộc hạ

OM \_ VAJRA YUŞAI ( ?AYUŞAI ) SVÀHÀ

\_ Kim Cương Mệnh Chân Ngôn:

ጀ ର୍ମ ର୍ମ ର୍ମ

An, châm, phộc nhật-la dục

OM ṬUM \_ VAJRAYUH ( ?VAJRA AYUH )

\_ Kim Cương Vương Chân Ngôn:

ጀ ର୍ମ ର୍ମ ର୍ମ

An, tra kế, hồng, nhạ

OM ṬAKI ( ?TAKKI ) HÙM JJAH ( ?JAH )

\_ Bạch Tản Cái Phật Đỉnh Chân Ngôn:

ጀ ମମ ର୍ମ ର୍ମ

An, ma ma hồng nặc

OM MAMA HÙM DÌH ( ?NÌ )

\_ Tỳ Lô Giá Na Phật Chân Ngôn:

ጀ ଶି: ମ ଏତ ର୍ମ ର୍ମ

An, bộ-luật a vĩ la hồng khiếm

OM BHUH \_ A VIRA HÙM KHAM

\_ Quang Tụ Phật Đỉnh Chân Ngôn:

ጀ ରାତ ରାତ ରାତ ର୍ମ ର୍ମ ଫଳ ଫଳ ଫଳ ର୍ମ ର୍ମ

ଶ ଶନ ଶନ

An, khư khư, khư hê khư hê, hồng hồng, nhập-phộc la, bát-la nhập-phộc la, bát-la nhập-phộc la, để sắt-trá để sắt-trá, hột-li-sắt-chi tát-phán tra, sa-phộc hạ

OM \_ KHAKHA KHAHI KHAHI \_ HÙM HÙM \_ JVALA PRAJVALA  
PRAJVALA TIŞTA TIŞTA KŞTRÌ SPHAT SVÀHÀ

( ?OM \_ KHAKHA \_ KHAHI KHAHI \_ HÙM HÙM \_ JVALA JVALA \_  
PRAJVALA PRAJVALA \_ TIŞTA TIŞTA \_ ŞTRÌ ŞTRÌ \_ SPHAT SPHAT \_  
'SÀNTIKA 'SRİYE \_ SVÀHÀ )

\_ Quán Tự Tại Bồ Tát Chân Ngôn:

**ॐ अस्तु तत्त्वं**

**An, hột-li, hác, hồng phán tra**

**ॐ ह्रीः हहे हुम् फत्**

( Bản khác ghi là: OM \_ HRÌH HAH HÙM PHAT )

\_ Bất Không Quyến Sách Tâm Chân Ngôn:

**ॐ अमोग्धा प्रतिहता तत्त्वं**

**An, a mô nga bát-la để hạ đá ,hồng phán tra**

**ॐ अमोग्धा प्रतिहता (?APRATIHATA) हुम् फत्**

\_ Hư Không Tạng Mãn Nguyên Chân Ngôn:

**ॐ अस्तु तथागता मिपेका वज्ररत्ना सर्वा  
स्तु दं जः तं**

**An, tát phộc đát tha nghiệt đa, tỳ lộc ca, phộc nhật-la la đát-na, tát phộc  
xá bả lị bố la ca, nhạ hồng noan hộc đát-lam**

**ॐ \_ SARVA TATHÀGATÀ MIPEKA VAJRARATNA SARVA  
'SÀPARI PÙRAKA , JAH HÙM VAM HOH TRÀM**

\_ Hư Không Tạng Tam Muội Chân Ngôn:

**ॐ एष त्रयं तत्त्वं**

**An, phộc nhật-la la đát-na, hồng**

**ॐ \_ VAJRARATNA HÙM**

\_ Hư Không Tạng Chân Ngôn:

**ॐ गगा सद्य एष जः तत्त्वं**

**An, nga nga năng tam bà phộc, phộc nhật-la hộc . An, ác hồng**

**ॐ \_ GAGANA SABHAVA ( ? SAMBHAVA) VAJRA HOH \_ OM A  
(?AH) HÙM**

\_ Hư Không Tạng Yết Ma Chân Ngôn:

**ॐ एष विराहं द**

**An, phộc nhật-la la đát-nô hám**

**ॐ \_ VAJRARATNA UHÀM**

\_ Văn Thủ Bát Tự Chân Ngôn:

**अ ए इ श र ए द**

**A vĩ la hồng khư tả lạc, đàm**

**À (? AH) VIRA (? VÌRA) HÙM KHA CARAH \_ DHAM**

\_ Văn Thủ Bồ Tát Lục Tự Chân Ngôn:

**ॐ एष ए ए मः**

**An, phộc kế na năng mạc**

OM \_ VAKODA ( ? VAKEDA) NAMAH

\_Khổng Tước Vương Chân Ngôn:

අම ගද තු ඇන

Năng mô đế tra la la , sa-phộc hạ

NAMO TET RA RA SVÀHÀ

\_Phổ Hiền Bồ Tát Đà La Ni là:

අ මමග නිර ඇන

An, tam mạn đa bà nại-la sa-phộc hạ

OM \_ SAMATABHADRA ( ? SAMANTABHADRA ) SVÀHÀ

\_Trù Độc Chân Ngôn là:

අ මදා පදා එග මලේ ශ නිර ඇන

An, a noa lị, bả noa lị, ná nga ma lị nẽ, hồng phán tra, sa-phộc hạ

OM \_ ANDARI PANĀDARI NDAGA ( ?TÀGA ) MĀLINI HÙM PHAT  
SVÀHÀ

\_Bồ Đề Tâm Chân Ngôn là:

අ ටධ එග මමය ණ

An, mạo địa tức đá một đát bả-ná dã nhĩ

OM \_ BODHICITTĀM UTPADA YAMI ( ?YĀMI )

\_Hạ Thám Đà La Ni là:

අ දු එග මමය ණ

An, phộc nhật-la chất đát-la tam ma duệ hồng

OM \_ VAJRA CITRA SAMAYE HÙM

\_Văn Thủ Sư Lợi Bồ Tát Đà La Ni:

අම මහ මන්ස්‍ය තැප්පාය ගුණ රාජ රාජ රාජ රාජ

මන මන ඇන

Năng mô a lị-dã mạn thân thất-lị duệ, mạo địa tát đát-phộc dã. Đát nẽ-dã tha : nhạ duệ, nhạ duệ, lạc phệ nhạ dã , ma hạ ma hệ , sa-phộc hạ

NAMO ARYĀ MAJUSRIYE ( ? ĀRYA MAÑJU'SRĪYE )  
BODHISATVĀYA

TADYATHÀ : JAYE JAYE JAYA \_ LAVE JAYA MAHÀ MAHE \_  
SVÀHÀ

\_Cầu mưa trợ giúp Đỉnh Luân gia trì Nhật ( Mặt trời) Chân Ngôn :

අ

An , bộ-lỗ-án, a nẽ đên nga la ca ty-tru hòng, phát tra

OM ( BHRŪM \_ ÀDITYA RĀKṢAM HÙM PHAT )

\_Kim Cương Đại Luân Đà La Ni là:

ରମ୍ଭ ଶୁଭଗାନ୍ ଗଣଗାନ୍ ସଂ ହରି ହରି ମନ ଏକ ଏକ  
ମନ ମନ ମନ ମନ ଏଥ ଏଥ ଏପମନ ମନନାନ ଏମନ  
ମନନ୍ଦେଯତ୍ତ ମନ

Nâng ma tất trí-lì gia tuy ca nam, đá đa già đà nam. Ān, tỳ la thời, tỳ la thời, ma ha chước ca-la, phộc nhật-lì, tất đa tất đa, sa la đế sa la đế, đát-la duệ đát-la duệ, vĩ đà ma nẽ, tam bàn thê nẽ, đát-la ma để, tất đà yết lị đát-chúc-viêm, sa-phộc hạ

NAMAH STRYIPIMKÀNÀM (?STRYIDHVIKÀNÀM)  
TATHÀGATÀNAM \_ AM VIRAJI VIRAJI , MAHÀ CAKRA VAJRI , SATA  
SATA , SARATE SARATE, TRAYI TRAYI , VIDHAMANI, SAMBHAMJANI  
TRAMATI SIDDHÀGRIYA TTRAM (TRÀM ) SVÀHÀ

\_Sám Hối Diệt Tội Chân Ngôn

ତ ମନ ପରମାନ ଦନ୍ୟ ମନ

Ān, tất phộc bả ba nại ha nâng, phộc nhật-la dã, sa-phộc hạ

OM \_ SARVA PÀPA TTAHÀNA ( ? DAHÀNA ) VAJRAYA \_ SVÀHÀ

-Kệ Tắm Tượng :

Nay con tắm rửa các Như Lai  
Tịnh trí, công đức nhóm trang nghiêm  
Nguyễn loại chúng sinh năm trước kia  
Mau chứng **Như Lai Tịnh Pháp Thân**

\_Kệ Khơi Thông Tắm Tối ( Quyết Minh Kệ)

Nay chư Phật vì con.  
Quyết trừ màn vô Trí  
Giống như Thế Y Vương  
Nay con cũng như vậy

\_Tiếp, kết **Ấn Phật Nhã**. Chắp hai tay lại hai ngón cái co song song vào lòng bàn tay, hai ngón trỏ dựa trên lòng thư nhất của hai ngón giữa như hai con mắt cùng đối nhau. Đấy gọi là Phật Nhã ấn. Thành rồi, gia trì năm nơi là : Vâng trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng rồi bung ấn trên đỉnh đầu. Tụng Chân Ngôn là:

ରମ୍ଭ ମନ ଗଣଗାନ୍ଧନ୍ଦନ୍ତ୍ରିଃ ମନ୍ଦମନ୍ଦନ୍ତ୍ରିଃ ତ ହି ଶ୍ଵର ହାର  
ମନ୍ଦମନ୍ଦନ୍ତ୍ରିଃ ମନ୍ଦମନ୍ଦନ୍ତ୍ରିଃ ମନ୍ଦମନ୍ଦନ୍ତ୍ରିଃ

Nâng mạc tất phộc đát tha nga đế tỳ-dữu, la-hạ tỳ-dược, tam miệu tam một đệ tỳ-dược. Ān, lõ lõ, sa-phổ lõ, nhập-phộc la, đế sắt-xá, tất đà lộ tả ninh, tất phộc lị-tha sa đà nãnh, sa-phộc hạ

NAMAH SARVA TATHÀGATEBHYO RHATEBHYAH  
(?ARHATEBHYAH ) SAMYAHSA BUDDHEBHYAH  
(?SAMYAKSAMBUDDHEBHYAH )

OM \_ RURU SPHARU (?SPHURU ) JVALA TIŞTA SIDDHA LOCANI \_  
SARVĀRTHA SATNI (?SÀDHANI ) SVÀHÀ

**\_Tiếp Đại Nhật Như Lai Kiếm ấn**

Chắp hai lại để ngang trái tim, co lóng giữa của hai ngón trỏ để nắm ngang dính nhau. Hai ngón cái đều đè lên lóng trên của hai ngón trỏ như hình cây kiếm. Kết ấn này xong, liền quán trong trái tim của mình có hoa sen tám cánh, ở trong hoa sen tưởng chữ 梵 (A) phóng ra ánh sáng màu vàng cùng tương ứng với ấn tưởng chữ 梵 (A) ấy là “ *Rốt ráo tất cả pháp xưa nay chẳng sinh* “ liền tụng Chân Ngôn là :

唵 般若波羅蜜多印

Nắng mạc tam mān đà māu đà nam. Ac vĩ la hồng khiếm

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ A VIRA HŪM KHĀM

Tiếp tụng Chân Ngôn tám biến. Dùng Ấm như trước gia trì năm nơi là : Vàng trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng rồi bung Ấm trên đỉnh đầu

**\_Tiếp, dùng Quân Trà Lợi Tâm Chân Ngôn hộ khắp các vật trừ dơ bẩn (cấu) khiến Thanh Tịnh.**

Tụng Chân Ngôn là :

唵 般若波羅蜜多印

**Ấm, a mật-lật để hồng phát tra**

OM \_ AMRTO ( ? AMRTE ) HŪM PHAT

Dùng tay phải bùm nước sạch gia trì bảy biến, dùng vảy rửa các loại đồ vật liền thành thanh tịnh

Tiếp, tụng **Quân Trà Lợi Căn Bản Chân Ngôn** với **Mật Ấm** nắm nước (Lâm Thủy ). Ấm đó, duỗi thẳng cánh tay tuệ (tay phải) đặt nắm ngang phía trước, co hai độ phương , nguyện ( ngón vô danh, ngón giữa ) vào trong lòng bàn tay. Dùng Trí Độ ( ngón cái ) vịn trên móng tay của hai độ. Co Tuệ độ ( ngón út ) bên cạnh phương độ ( ngón vô danh ) co lực độ ( ngón trỏ ) bên cạnh lóng tay của Nguyên Độ ( ngón giữa )

Dùng ấn này nắm nước. Tụng Căn Bản Chân Ngôn 7 biến gia trì. Sau đó cởi áo tuỳ ý tắm gội

Chân Ngôn là:

唵 般若波羅蜜多印 般若波羅蜜多印 般若波羅蜜多印  
唵 般若波羅蜜多印 般若波羅蜜多印 般若波羅蜜多印

Nắng mạc la đát-nắng đát-la dạ dã. Ná mạc thất-chiến noa, ma hạ phộc nhật-la cự-lỗ đà dã. Ám, hộ lỗ hộ lỗ, để sắt-xá để sắt-xá, mān đà mān đà, ha nǎng ha nǎng, ma mật-lật để, hồng phát tra, sa-phộc hạ

NAMO RATNATRAYĀYA

NAMAH 'SCANĐA MAHÀ VAJRA KRODHAYA

OM \_ HULU HULU , TIŞTA TIŞTA, BANTA BANTA (?BANDHA BANDHA) , HANA HANA, AMRTI (?AMRTE) HŪM PHAT \_ SVÀHÀ

Phàm pháp tắm gội ( Táo dục ) có ba phần rửa ráy riêng, nên biết thứ tự trước sau: Từ chân đến rốn là phần dưới, từ rốn đến giữa là phần giữa, từ cổ đến đỉnh đầu là phần trên. Thoạt tiên nên tẩy rửa phần dưới cho sạch, liền dùng Bồ Kết táo đậu rửa sạch tay. Tiếp tẩy rửa phần giữa, lại rửa sạch tay. Tiếp rướt rót vào phần trên

Bản Kinh ghi là : “*Phàm lúc tắm rửa thì lặng lẽ nhất tâm trì niệm chẳng nên tán loạn, cũng chẳng cười đùa nói chuyện vô nghĩa, cũng đừng vào chỗ kín, cũng chẳng nên suy niệm việc dâm dục của nam nữ. Thường vì trừ bỏ nhớ bẩn mà tắm rửa, đừng khởi tưởng trang điểm thân thể. Hãy một lòng nhớ rõ thứ tự Hộ Trì như Pháp. Cũng đừng nên nóng nảy la mắng lớn nhỏ. Giả sử có việc chẳng如意 nên khởi Tâm Từ khéo dùng lời dạy bảo*” Y như thế dạy cách tắm gội như Pháp xong.

\_Tiếp, nên **Quán Đỉnh**. Dùng Chân Ngôn gia trì bình trong sạch (Tịnh bình) đem rưới lên đỉnh đầu.

Chân Ngôn là:

අ න ර පලු හ නු

**Án, hác khu lị lị hồng phát tra**

OM \_ HAH KHALILI ( ?KHAKALI ) HÙM PHAT

Nếu tự Gia Trì, thường tụng Chân Ngôn 21 biến liền được. Nếu như có Đồng Bạn hoặc Đệ Tử biết Pháp thì gia trì đủ 108 biến. Như không có cái bình, không có người thì thường dùng Pháp này vốc nước, mỗi vốc nước gia trì tụng Chân Ngôn 7 biến. Ba lần vốc nước như Pháp Gia Trì, tự rưới lên đỉnh đầu.

Ấn đó, dùng Đàm Tuệ (2 ngón út), bên phải đè bên trái, cùng cài chéo nhau trong lòng bàn tay. Dùng giới phương (2 ngón vô danh) co song song và đè giao bên trên. Đem nhãn nguyệt (2 ngón giữa) duỗi thẳng sao cho đầu ngón dính nhau. Dùng Tiến lực (2 ngón trỏ) co dính lưng lồng trên Nhãn Nguyễn. Dựng kèm Thiên Trí (2 ngón cái) liền thành. Đây gọi là Quán Đỉnh Ấn.

Tiếp, dùng **Đại Tam Muội Gia Chân Ngôn** lúc trước. Lời và Ấn như trước, gia trì 5 nơi trên thân mình như lúc trước.

Tiếp, dùng **Quân Trà Lợi Tâm** như trước, vốc nước Gia Trì mà rưới lên áo mặc khiến cho Thanh Tịnh. Sau này lấy mặc vào. Vẫn nên tự tụng Cát Tường Già Đà (kệ Cát Tường) chẳng để gián đoạn. Đi thẳng đến chỗ mình ngồi. Tâm tưởng **dùng thân tâm thanh tịnh này lẽ sự cúng dường tất cả chư Phật**. Liền vào Đạo Trưởng cúng dường như điều dạy trong Đại Giáo. Y theo lược sao của Kinh Tô Tất Địa với Kinh Kim Cương Đỉnh giải các húc uế, gia trì pháp của 3 nghiệp.

Nói về sự Tịnh 3 nghiệp. Hoặc lúc thân va chạm vật uế, hoặc miệng tham ăn và nói các lời bậy bạ hoặc trong tâm suy tư các việc chẳng ích lợi, đều gọi là **3 nghiệp bất tịnh** cho nên dùng Đà La Ni này với Chính Quán gia trì khiến cho tội cấu tiêu diệt, nghiệp của thân ngữ ý mau được thanh tịnh

Chân Ngôn là:

අ එන පිත ම එ එන එන එන එන

**Án, sa-phộc bà phộc , truật đà , tát phộc đat ma sa-phộc bà phộc, truật độ hám**

OM \_ SVABHÀVA ‘SUDDHÀ SARVA DHARMÀ SVABHÀVA  
‘SUDDHÀ HAM (? UHAM )

Tiếp, tụng Chân Ngôn 7 lần, càng nhiều càng tốt. Chân Ngôn này hay trừ nghiệp của thân, ngữ, ý. Tất cả tội cấu đều được thanh tịnh.

Lúc Chính Tụng nên vào Du Già Quán suy tư là : ” *Tất cả các Pháp có bản tính thanh tịnh chỉ vì hư vọng, khách trân, phiền não che mờ làm mất chính lý cho nên có diên đáo vọng chấp vào nghiệp quả thiện ác. Nay Ta vào Pháp Giới Bình Đẳng Bất Khả Tư Nghị Quán, biết rõ ráo tất cả phiền não xưa nay đều thanh tịnh. Lại dùng lực chẳng thể luận bàn của Đà La Ni, tất cả chư Phật cùng dùng Thần Thông gia trì lực tương ứng cho nên tức thời phiền não vọng tưởng đều được thanh tịnh. Tại sao thế? Vì rõ ráo phiền não ấy, hư vọng sinh ấy đều không có tự tính cho nên như ào mộng xưa nay thanh tịnh.* ”

Tác Du Già Chính Quán này với bí mật gia trì thì tất cả ác nghiệp không có gì không thanh tịnh. Trong bản Kinh gọi là **Pháp tắm rửa trong bí mật**. Phàm pháp Giải Uế. Có 2 loại uế:

Một là : Muốn vào nơi húc uế liền dùng Ô Sô Sáp Ma Phẫn Nộ Vương Chân Ngôn. Tụng Chân Ngôn 7 biến, hay tịch trừ tất cả uế ác chẳng cho dính vào thân tâm. Dùng thân gia trì nay như Phẫn Nộ Kim Cương. Loài Tỳ Na Dạ Ca chẳng có dịp thuận tiện để hại được.

Ô Sô Sáp Ma Phẫn Nộ Vương Chân Ngôn Là:

ॐ କ୍ରୋଧନା ହୁମ୍ ଜ୍ଞାହ୍

An, cự-lỗ đà năng hồng nhược

OM \_ KRODHANA HÙM JJAH ( ?JAH )

Hai là : Người trì tụng lâu ngày, thân tâm đang thanh tịnh đột nhiên chẳng giác ngộ bị chạm uế hoặc ăn phải thức ăn uế hoặc mặc áo uế, hoặc bất thình lình chạm uế. Khi tự biết thân tâm chẳng an, phải mau chóng dùng nước tro để rửa vật bằng vàng, bạc hay vật bằng sứ. Lấy chút ít nước mới múc lên, dùng Quân Trà Lợi Chân Ngôn gia trì 7 biến hoặc 21 biến, hoặc 108 biến, xong rồi uống vào. Tức thời liền an định như nước nóng làm tan băng tuyết. Chân Ngôn này gọi là : **Giải Húc Uế**. 2 chân ngôn này đủ để liệt kê quy tắc Quân Trà Lợi .

Chân Ngôn là:

ନାମ ରତ୍ନତ୍ରୟ ନାମଃ ଶର୍ଣ୍ଣ ମନ୍ଦିରଙ୍ଗ କ୍ରୋଧ ତ୍ରୈ ହୁମ୍ ଜ୍ଞାହ୍  
ଅଷ୍ଟା ଅଷ୍ଟା ଏତ୍ର ଏତ୍ର ନାମ ନାମ ମନ୍ଦିରଙ୍ଗ କ୍ରୋଧ ତ୍ରୈ ହୁମ୍ ଜ୍ଞାହ୍

Năng mô la đát-năng đát-la dạ dã. Ná mạc thất-chiến noa , ma hạ phộc nhật-la củ-lỗ đà dã. An, hộ lỗ hộ lỗ , để sắt-xá để sắt-xá , mãn đà mãn đà , hạ năng hạ năng, a mật-lật đế, hồng phát tra, sa-phộc hạ

NAMO RATNATRAYAYA

NAMAHA ‘SCANĐA MAHÀ VAJRA KRODHAYA.

OM \_ HULU HULU TIŞTA TIŞTA BANDHA BANDHA HANA  
HANA AMRTA HÙM PHAT \_ SVÀHÀ

**Phật Bộ Tâm Tam Muội Gia Ấn.** Dùng 10 độ của Chỉ Quán (10 ngón của 2 tay phải, trái) cùng cài nhau bên trong làm quyền. Đem Thiền Trí (2 ngón cái) kèm đựng. Kết Ấn thành xong, quán chư Phật đầy khắp hư không, liền tụng Chân Ngôn 3 biến, buông Ấn trên đỉnh đầu. Tụng Chân Ngôn là:

唵 梵 菩 提 呀

Ấn, nhĩ nă̄ng nhĩ ca, sa-phộc hạ

OM JINA JIK SVÀHÀ

\_Tiếp, kết **Liên Hoa Bộ Tam Muội Gia Ấn**. Giống như Phật Bộ Tâm Ấn trước, co Trí Độ (ngón cái phải) vào lòng bàn tay, dựng đứng Thiền Độ (ngón cái trái) kết thành Ấn xong, tưởng ở bên phải tất cả Như Lai có Bồ Tát Quán Tự Tại và các quyền thuộc. Liền tụng Chân Ngôn 3 lần, buông Ấn bên phải của đỉnh đầu. Tụng Chân Ngôn là :

唵 阿 罗 利 呀

Ấn, a lô lực ca, sa-phộc hạ

OM AROLIK SVÀHÀ

\_Tiếp, kết **Kim Cương Bộ Tam Muội Gia Ấn**. Như Phật Bộ Tâm Ấn trước. Co Thiền Độ (ngón cái trái) vào lòng bàn tay, dựng đứng Trí Độ (ngón cái phải). Tưởng ở bên trái tất cả Như lai có Bồ Tát Kim Cương Thủ với các quyền thuộc. Liền tụng Chân Ngôn 3 lần, buông Ấn bên trái của đỉnh đầu. Tụng Chân Ngôn là:

唵 阿 玛 雷 呀

Ấn, phộc nhật-la địa-lực ca, sa-phộc hạ

OM VAJRA DHRIK (?DHRK) SVÀHÀ

\_Tiếp, kết **Bị Giáp Hộ Thân Ấn**. Dùng thiền Độ của Quán Vũ (ngón cái trái) đặt vào ngay trong lòng bàn tay. Đem bốn Độ: Tiến, Nhẫn, Giới, Đàm (4 ngón trỏ, giữa, vô danh, út) nắm lại thành Quyền. Kết Ấn này xong, gia trì 5 nơi : vầng trán, vai phải, vai trái, tim, cổ họng. Đấy gọi là **ngũ xứ**. Hộ Thân Chân Ngôn là :

唵 哈 罗 呀

Ấn, bộ nhập-phộc la hồng

OM BHUH JVALA HÙM

**Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Tịch Trừ Ấn.** Đem các ngón trỏ, vô danh, út của 2 tay; bên phải đè bên trái, cùng cài chéo nhau bên trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành Quyền. Co 2 ngón cái song song vào lòng bàn tay, hai ngón giữa thẳng đứng hợp đầu ngón. Kết Ấn thành xong, ở trên đỉnh đầu xoay bên trái 3 lần gọi là Tịch Trừ, xoay bên phải 3 lần gọi là Kết Hộ. Tưởng nơi đến của tâm liền thành Giới Phượng. Ấn này hay phá chướng, là việc pháp của tất cả Phật Đỉnh. Nếu tất cả các tám Bộ Trời Rồng, Được Xoa, La Sát, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hô La Già, Tỳ Na Dạ Ca hung ác nhìn thấy Ấn này thấy đều sợ hãi chạy trốn. Tụng Chân Ngôn là:

唵 哈 罗 呀

**Năng mạc tam mān đā māu đà nam. Ān, bō-lō-ān , mān đà , sa-phoc hā**  
NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM  
OM BHRŪM BANDHA \_ SVĀHĀ

\_Tiếp, Hiến At Già Chân Ngôn là:

ନ୍ମ ସମର ଏଣ୍ଟା ଗାଗା ସମମମ ଶନ୍ତ

**Năng mạc tam mān đā māu đà nam. Nga nga năng tam ma tham ma , sa-phoc hā**

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM \_ GAGANA SAMA ASAMA  
SVĀHĀ

Dùng 2 tay nâng vật khí ngang trán, quỳ gối tụng Chân Ngôn 3 lần. Dâng hiến At Già tắm rửa Thánh Chúng.

\_Tiếp, kết Phổ Thông Cúng Đường Ān.

ନ୍ମ ସମର ଏଣ୍ଟା ସଦା ରତ୍ନ ତର୍ଣ୍ଣା ଶୁର କମ୍ ଗାଗାକ  
ଶନ୍ତ

**Năng mạc tam mān đā māu đà nam. Tát phoc tha, khiêm, ổn ná-nghiệt  
đế, sa-phả la, tứ hàm, nga nga năng kiém, sa-phoc hā**

NAMAH SAMANTA BUDDHĀNĀM\_ SARVATHA KHAM UDGATE  
SPHARA HIMAM GAGANAKAM \_ SVĀHĀ

Do uy lực của Chân Ngôn này tuôn ra biển mây đèn sáng cúng dường Như Lai với các Thánh Chúng. Lại tưởng: phuông, phan, lọng, vồng, anh lạc, y phục, lụa màu... Các mây biển cúng dường lan khắp Pháp Giới. Dùng lời thành thật tụng Diệu Già Đà mà xưng tán rồng :

*Dùng lực công đức Ta  
Lực Như Lai gia trì  
Cùng với lực Pháp Giới  
Cúng dường khắp mà trú*

\_Tiếp, kết Phật Đại Bi Hộ Ān. Đem 10 Độ (10 ngón tay) cùng cài chéo nhau tác làm mặt trăng. Dựng thẳng Thiền Trí (2 ngón cái) Đàn Tuệ (2 ngón út) sao cho cùng dính nhau. Kết Ān thành xong, Ān : trái tim, trán, cổ họng rồi bung Ān trên đỉnh đầu.Tụng Chân Ngôn là:

ତ ଏଣ୍ଟ ଅଗ୍ର ଏଣ୍ଟ ତର୍ଣ୍ଣ ଶନ୍ତ

**Ān, một đà muội để-lị , phoc nhật-la , lạc khất-sái hám , sa-phoc hā**

OM \_ BUDDHĀ METRÌ (?MAITRÌ ) VAJRA RAKṢA HĀM (?MĀM )  
SVĀHĀ

\_ Tiếp. Kết Phật Nhãm Ān.Chắp 2 tay lại, co 2 ngón cái vào lòng bàn tay, 2 ngón trỏ phụ ở lưng lóng thứ nhất của 2 ngón giữa như 2 con mắt đối nhau. Đây gọi là Phật Nhãm Ān. Thành rồi thì gia trì 5 nơi là: Vầng trán, vai phải, vai trái, trái tim, cổ họng rồi bung Ān trên đỉnh đầu. Chân Ngôn là:

ଅମ୍ବ ମହ ଗର୍ବାନ୍ତ ଦଶ ମୁଖ୍ୟାଙ୍କୁ ଓ ଏ ଏ ଶୁଣୁ  
ଅଷ୍ଟ ମହ ଶୁଣା ମଧ୍ୟ ମଧ୍ୟ ଶବ୍ଦ ଶବ୍ଦ

Nâng mạc tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ-dữu, la-hạ tỳ-dược, tam miếu tam  
một đệ tỳ-dược. Ān, lõ lõ, sa-phổ lõ, nhập-phộc la, đẽ-sắt-xá, tất đà lộ tả ninh, tát  
phộc lị-tha sa đat nānh, sa-phộc hạ

NAMAH SARVA TATHAGATEBHYO, RHATEBHYO  
(?ARHATEBHYAH) SAMYASAMBUDDHEBHYAH  
OM \_ RURU SPHURU JVALA TIŞTA SIDDHA LOCANE  
SARVARTHA SADHANI (? SARVÀRTHA SÀDHANI) \_SVÀHÀ

\_ Tiếp kết **Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Ān**. Trước tiên chắp tay, hai tay đem 2 ngón vô danh, 2 ngón út, bên phải đè bên trái cùng cài chéo nhau trong lòng bàn tay; dựng thẳng 2 ngón giữa rồi co cứng lóng thứ nhất sao cho 2 đầu ngón dính nhau như hình cây kiếm, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, duỗi ngang 2 ngón trỏ co đè 2 ngón cái sao cho 2 móng ngón đụng nhau. Đây gọi là Đỉnh Luân Vương Căn Bản Ān. Tụng rằng:

Ān này Ma Ha Ān (Đại Ān)

Ấy là Như Lai Đỉnh

Vừa mới kết tác xong

Liền đồng với Thế Tôn

Chân Ngôn là:

ଅମ୍ବ ମହାରଜନ୍ମ ଓ

Nâng mạc tam mãn đà mẫu đà nam. Ān (Nếu muốn cầu thỉnh, mong cầu tất cả việc thì ở đây gia thêm Khổng Tước Vương Đà La Ni) ॐ Bô-lô-ān

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM \_ OM BHRÙM

Tiếp kết **Khổng Tước Vương Ān** : Đem 2 tay cùng cài chéo nhau bên trong, dựng thẳng Đàn Tuệ (2 ngón út) sao cho đầu ngón dính nhau, cũng dựng thẳng Thiền Trí (2 ngón cái) cùng dính nhau thí Ān ấy liền thành. Tụng Chân Ngôn 3 biến hoặc 7 biến và hợp tụng với Đỉnh Luân Vương , nên gia thêm câu Chân Ngôn này. Tụng Chân Ngôn là:

ଓ ମ୍ୟୁରା କ୍ରାନ୍ତ ଶବ୍ଦ

Ān, ma dữu la ca-lan đế , sa-phộc hạ

OM \_ MAYURÀ KRÀNTE (?MAYÙRÀ KRÀNTE) SVÀHÀ

Nếu dùng Tâm Thường trì niệm Nhất Tự Đỉnh Luân Vương Chân Ngôn thì nên tụng riêng Khổng Tước Vương Chân Ngôn, cũng nên tụng riêng Pháp của Gia Cú này ( Câu gia thêm) , thân cận với vị A Xà Lê (Đạo Sư ). Vì thế mới dùng miệng để truyền thụ việc tu Du Già , nên biết như thế.

\_ Lại nói **Đàn Pháp cầu mưa**. Nếu trời hạn hán, người muốn cầu mưa chọn chỗ đất trống làm Đàn, trừ bỏ gạch ngói với các vật nhơ uế, trưng bày bức màn màu xanh, treo phan màu xanh, tô xoa bột thơm làm một Đàn hình vuông.

Ở trong Đàm vẽ ao nước bảy báu, trong ao vẽ cung của Hải Long Vương (Sàgara nàgaràja) . Ở trong cung Rồng có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trụ tướng Thuyết Pháp, bên phải Đức Phật vẽ Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokite'svara Bodhisattva) , bên trái Đức Phật vẽ Kim Cương Thủ Bồ Tát (Vajrapàṇi Bodhisattva) cùng hâu cận Đức Phật.

Ở trước mặt Đức Phật: bên phải vẽ Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới Chủ Luân Cái Long Vương (Cakrapatra nàgaràja) , bên trái vẽ hai vị Long Vương Nan Đà (Nanda nàgaràja) và Bạt Nan Đà (Upananda nàgaràja) .

Ở bốn phương của Đàm dùng Cù Ma Di lỏng đều vẽ một vị Long Vương. Ở phương Đông vẽ một vị Long Vương có một thân ba đầu, dài ba khuỷu tay với quyến thuộc vây quanh. Ở phương Nam vẽ một vị Long Vương có một thân năm đầu, dài năm khuỷu tay với các quyến thuộc. Ở phương Tây vẽ một vị Long Vương có một thân bảy đầu , dài bảy khuỷu tay với các quyến thuộc vây quanh. Ở phương Bắc vẽ một vị Long Vương có một thân chín đầu, dài chín khuỷu tay với các quyến thuộc vây quanh. Tất cả các vị Long Vương đều ở trong đám mây mù màu xanh đen, nửa thân dưới là thân rắn có đuôi ở trong ao, nửa thân trên như hình Bồ tát, đều chắp tay từ ao nhảy vọt lên.Ở bốn góc của Đàm đặt 4 cái bình màu xanh. Tùy theo khả năng chia thức ăn uống, quả trái....đều là màu xanh thẫm , bày thành hàng , trong sạch cúng dường; đốt hương, rải hoa màu xanh. Vật dụng trong Đạo Trường đều dùng màu xanh.

Người cầu mưa : Nếu là Bật Sô Xuất Gia , cần đủ Luật Nghi. Nếu là Tục Sĩ, cần thọ tám Giới. Lúc tác Pháp: Ān Tam Bạch Thực , mỗi ngày tắm rửa bằng nước hương thơm, mặc áo màu xanh mới sạch. Ở mặt Tây của Đàm , dùng vật màu xanh làm chỗ ngồi. Liền dùng hương xoa tay. Trước hết nên **Tam Mật Gia Trì** hộ thân của mình và trên cái án trên Đàm đặt Kinh **Đại Vân** . Đối với tất cả Hữu Tình, khởi Tâm Đại Bi, chí thành thỉnh tất cả Phật Bồ Tát gia trì, ngày đêm chân thành đọc Kinh Đại Vân này hoặc hai người, ba người cho đến bảy người thay phiên nhau đọc tụng Kinh, tiếng đọc chẳng nên gián đoạn.

Khi bị hạn hán. Như vậy y theo Pháp đọc tụng hoặc một ngày, hai ngày cho đến bảy ngày, quyết định tuôn mưa Cam Lộ. Nếu nạn tai nặng, chưa đổ mưa, lại tác Mật Giáng Vũ. Giả sử khiến cho biển lớn hoặc có vượt trào quá hạn , y theo Kinh này tác Pháp chuyển đọc thì không có gì không ứng.

Nên biết phát Nguyện hồi hướng Công Đức có được do đọc Kinh cho các vị Rồng: Nguyện lìa các khổ, phát Tâm Vô Thượng Bồ Đề vì tất cả Hữu Tình, giáng mưa Cam Lộ.

Nên để **Mật Kinh** cách xa các thôn ấp.

**Ān , nga nga , a đê nga nga, sa-phộc hạ**

\_ Kim Cương Giải Thoát Chân Ngôn:

**ॐ अ॒र्जुन॑ स॒र्व॑ शः**

**Ān, phộc nhật-la mộ khất-xoa, mục**

**ॐ\_ VAJRA MUKṢA MUH**

\_ Diệp Y Quán Thế Âm Bồ Tát Chân Ngôn là:

ॐ पल्ना कावरी हूम्

An, bá lị-ná xả phộc lị, hồng, phán tra

OM \_ PALNA CAVARI (?PALÀ'SAMBARI) HÙM PHAT

\_ Trí Cự Như Lai Chân Ngôn là:

ॐ संज्ञ अग्रं मधुमद्व तुलं उ शन दशम अर्ण  
एर्ण अर्ण

Nắng mô a sắt-trá thủy để nam, tam miệu tam một đà , củ chi nam. An  
chỉ-nhuỡng nǎng bà tể , địa lị hồng

NAMO ASTA 'SITINAM SAMYASABUDDHÀ KUTINÀM (? ASTA  
'SITINÀM SAMYAKSAMBUDDHÀ KOTINÀM : 88 triệu Chính Đẳng Chính  
Giác): OM \_ JÑĀNA VABHĀSA ( AVABHĀSA ) , DHIRI DHIRI , HÙM

\_ Đại Bi Tùy Tâm Chân Ngôn là:

ॐ पश्च एत अवग्न एत्त्व अवग्न अवग्न अवग्न

An, bát đát-ma tả ngật-la, thương khư nga na, đà la ninh, nẽ la kiến-tra,  
tất địa-dã , tất địa-dã , hồng

OM \_ PADMA CAKRA 'SAMKHAGADÀ , NILAGHAÑI SIDYA SIDYA  
(? NÌLAKANTHA SIDDHYA SIDDHYA ) HÙM

\_ Vô Lượng Thọ Như Lai Tâm Chân Ngôn :

ॐ मृत्ति गरु दरु अरु

An, a mật-lật đà , đế tể, hạ la , hồng

OM \_ AMRTA TEJE HARA HÙM

\_ Da La Bồ Tát Chân Ngôn:

ॐ तरे तुरे तुरे अरु

An, đá lị, đổ đá lị, đổ lị, sa-phộc hạ

OM \_ TÀRE TUTÀRE TURE \_ SVÀHÀ

\_ Như Lai Cà Sa Chân Ngôn:

ॐ रक्षा सर्व बुद्धाद्विष्टा अ शर्वे अरु

An, lạc khất-xoa, tát phộc một đà địa thất-xỉ đá, đát-ma , tử phộc la, sa-  
phộc hạ

OM \_ RAKṢA SARVA BUDDHA ADHIṢṬA , TMA (?ATMA) CIVARA  
SVÀHÀ

## ĐẠI NHẬT KINH LUỢC NHIẾP NIỆM TỤNG TÙY HÀNH PHÁP

Cúi lạy Vô Ngại Trí

Ý Mật Giáo sinh con

Y theo Tu Đa La (Sutra\_ Khế Kinh)

Nhiếp Pháp **Tùy Hành** này  
Chân Ngôn Hạnh Bồ Tát  
Trước trụ thệ Bình Đẳng  
Cùng Ngũ Mật, Thân Mật  
Sau tác hạnh tương ứng  
Tam Muội Gia Chân Ngôn

နမ် ဆမ် တော် ဒဲ ဆမ် အဆ် ဆမ် အုန်

Năng mô tam mạn tam bột đà năm. Ān, a tam mê, đế-lị tam mê , tam ma duệ, sa-phộc hạ

NAMAH SAMANTABUDDHÀNÀM\_ OM ASAME TRISAME SAMAYE SVÀHÀ

Khế là : Hợp ngang Luân ( Chắp tay sao cho các ngón tay ngang bằng nhau)  
Kèm đựng ở hai Không (2 ngón cái)

Năm nơi: Đầu, vai (2 vai), tim

Sau cùng gia cổ họng

\_ Tiếp dùng **Bất Động** ( Thánh Tư nói rằng: Pháp hành Niệm Tụng này đồng với bản lưu bố ở đời nên lược bỏ đi)

\_ Tâm **Chuyển Thanh** là: Thể, Nghiệp, Tác Cụ, Sở Vi, Tòng, Thuộc, Y, Hô.  
Giải thích là:

1\_ **Thể Thanh** : Như hàng Bồ Tát Ma Ha Tát là hô gọi Thể Thanh

2\_ **Nghiệp Thanh**: Như Bồ Tát lúc trước tu hành “ Quán Vô Sở Đắc” là Nghiệp Thanh

3\_ **Tác Cụ Thanh** : Như vị Bồ Tát nào tu hành Quán Vô Sở Đắc , ấy là dụng Bát Nhã Ba La Mật Đa là Tác Cụ Thanh

4\_ **Sở Vi Thanh** : Tu hành thế nào? Ấy là **Độ tất cả chúng sinh** là Sở Vi Thanh

5\_ **Tòng Thanh**: Theo đâu tu hành? Ấy là Theo chư Phật xuất hiện ở đời diễn nói Chính Pháp là Tòng Thanh

6\_ **Thuộc Thanh**: Vô sở đắc của cái gì? Ấy là vô sở đắc của tất cả Pháp là Thuộc Thanh

7\_ **Y Thanh**: Tu hành ở đâu? Y theo hàng Tam Hiền Thập Địa là Y Thanh

8\_ **Hô Thanh**: Ấy là Bên trên hô triệu Danh Ngôn là Hô Thanh

Dưới đây có 6 điều giải thích Ly Hợp hoàn toàn giống như bản văn lưu truyền ở đời nên lược bỏ đi.

Tiếp có **Ma Lợi Chi Bồ Tát Lược Niệm Tụng Pháp Tắc** Do Tam Tạng Đại Quảng Trí **Bất Không** dịch ở chùa Đại Hưng Thiện thì cũng hoàn toàn giống như bản lưu truyền ở đời nên lược bỏ đi.

Một quyển Kinh **Ma Lợi Chi**, nay cũng lược đi

Tiếp có Chân Ngôn Tam Muội Gia của 37 Tôn Du Già Trong Kinh Kim Cương Đỉnh trình bày như thứ tự, nay cũng lược đi.

## KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH THẬP LỤC ĐẠI BỒ TÁT TÁN

1\_ Kim Cương Thủ:

**ଦ୍ଵାରା ମନ୍ଦିର ଏହି ମହା ଗଣଗ ଶମତ ଦର୍ଶକ  
ଦ୍ଵାରା ନମ ଶୁଣ**

Phật nhât-la tát đóa-phật, ma ha tát đát-phật phật nhât-la .Tát phật đát tha nga đa tam mān đa bà niết-la phật nhât-la nē tha, phật nhât-la phan nị, nāng mô sa-đô đế.

VAJRASATVÀ , MAHÀSATVÀ VAJRA, SARVA TATHÀGATÀ  
SAMANTA BHADRA, VAJRA DYA, VAJRAPĀNI , NAMO STUTE

2\_ Kim Cương Vương:

**ଦ୍ଵାରା ଶୁଦ୍ଧଯ ଏହି କମ୍ପ ଗଣଗ ଶମ୍ଭୁ ରୂ ଦ୍ଵାରା  
ଏହି ନଥ ନମ ଶୁଣ**

Phật nhât-la la nhạ, tố một đà nghi-lị , phật nhât-la câu xả, đà đà nga đa, a mô khư la nhạ, phật nhât-la nē tha, phật nhât-la yết lật-sái, nāng mô sa-đô đế.

VAJRARAJA, SUBUDDHÀGRA, VAJRA KU'SA, TATHÀGATA,  
AMOGHA RAJA, VAJRA DYA, VAJRAKARŚA , NAMO STUTE

3\_ Kim Cương Ái:

**ଦ୍ଵାରା ମନ ଖଣ୍ଡ ଏହି ତୀର ସନ୍ତୋଷ ମର ନମ ମନ  
ଏହି ରମ ନମ ଶୁଣ**

Phật nhât-la la nga, ma ha tảo câu-dã, phật nhât-la phật noa phật, thương ca la, ma ha phật nhât-la tả bà, nāng mô sa-đô đế.

VAJRARAGA, MAHÀ SAUKHYA VAJRA VĀNAVA ‘SAMKARA  
MARA KAMA, MAHÀ VAJRA CAPA, NAMO STUTE.

4\_ Kim Cương Hỷ:

**ଦ୍ଵାରା ଶୁଦ୍ଧକୃତ୍ୟ ଏହି କୃତ୍ୟ ମନ ରେ ଧର୍ମଶ୍ରୁତି ରୂ ଏହି  
ନଥ ନମ ଶୁଣ**

Phật nhât-la sa đồ, tô phật nhât-la nga-la-dã , phật nhât-la đồ sắt-trí, ma ha la đế, bát-la mô nē-tha la nhạ, phật nhât-la ha lật-sái, nāng mô sa-đô đế.

VAJRASADHU, SUVAJRA GRYA, VAJRA TUŠTI , MAHÀ RATE,  
PRAMODYA RAJA, VAJRA HARŚA , NAMO STUTE.

5\_ Kim Cương Bảo:

**ଦ୍ଵାରା ଶୁଦ୍ଧକୃତ୍ୟ ଏହି କୃତ୍ୟ ମନ ମଳ ଶକ୍ତିଗଢ଼ ଦ୍ଵାରା  
ଏହାଗଢ଼ ନମ ଶୁଣ**

Phộc nhật-la la đát-na, tố phộc nhật-la lật-tha, phộc nhật-la ca xả, ma ha ma ni, a ca xả nghiệt bà, phộc nhật-la nῆ-dā, phộc nhật-la nghiệt bà, năng mô sa-đô đế.

VAJRARATNA, SUVAJRARTHA, VAJRA KÀ’SA , MAHÀ MANÌ, AKÀ’SA GARBHA, VAJRA DYÀ, VAJRA GARBHA, NAMO STUTE.

6\_ Kim Cương Quang:

ଦ୍ଵାରା ମନ୍ତ୍ରାତ୍ ଦ୍ଵାରା ଶୁଣି ଏହି ସନ୍ଦ ଦ୍ଵାରା ରେଖି ମନ୍ତ୍ରାତ୍  
ଦ୍ଵାରା ଶୁଣି

Phộc nhật-la đế nhạ, ma ha nhập-phộc la phộc nhật-la, tố lị-dā nhĩ năng, bát-la bà phộc nhật-la, la thấp-nhĩ, ma ha đế nhạ, phộc nhật-la bát-la bà, năng mô sa-đô đế.

VAJRATEJA, MAHÀ JVALA, VAJRA SURYA , JINA PRABHA, VAJRA RA’SMI , MAHÀ TEJA , VAJRA PRABHA, NAMO STUTE.

7\_ Kim Cương Tràng:

ଦ୍ଵାରା ଶୁଣି ଏହି ପରା ଶୁଣି ଏହି ଦ୍ଵାରା ମନ୍ତ୍ରାତ୍  
ଅଷ୍ଟାକ୍ଷରାତ୍ ଶୁଣି

Phộc nhật-la kế đô, tô tát đát-phộc lật-tha, phộc nhật-la đọa-phộc nhạ, tố đổ sai ca , la đát-ná kế đô, ma ha phộc nhật-la dã sắt-trí duệ, năng mô sa-đô đế.

VAJRAKETU, SUSATVÀRTHA , VAJRA DHVAJA SUTOŠAKA RATNA KETU, MAHÀ VAJRA YAŞTAYE, NAMO STUTE.

8\_ Kim Cương Tiếu:

ଦ୍ଵାରା ମନ୍ତ୍ରାତ୍ ନମ ଦ୍ଵାରା ଜୀବ ମନ୍ତ୍ରାତ୍ ଧାତୁ ଅମର୍ତ୍ତା ଦ୍ଵାରା  
ଧାତୁ ଶୁଣି

Phộc nhật-la ha tát, ma ha hạ sa phộc nhật-la tất-nhĩ đa , ma ha ná-bộ đa bát-lị đế , bát-la mô nῆ-dā , phộc nhật-la bát-lị đế , năng mô sa-đô đế.

VAJRAHASA, MAHÀ HÀSA, VAJRA ‘SMITA, MAHÀ DBHUTA PRÌTI, PRÀMODYA, VAJRA PRÌTE, NAMO STUTE.

9\_ Kim Cương Pháp:

ଦ୍ଵାରା ଶୁଣି ଏହି ପରା ଶୁଣି ଶୁଣି ଶୁଣି ଶୁଣି  
ଦ୍ଵାରା ଶୁଣି

Phộc nhật-la đạt ma, tố tát đát-phộc lật-tha, phộc nhật-la bát ma , tố đạt ca lõ kế thấp-phộc la, tô phộc nhật-la khất-sái, phộc nhật-la ni đát-la, năng mô sa-đô đế.

VAJRADHARMMA, SUSATVARTHA, VAJRA PAMA, SUDHAKA LOKE’SVARA, SUVAJRA KŚA, VAJRA NETRA, NAMO STUTE.

10\_ Kim Cương Lợi:

ଦ୍ଵାରା ମନ୍ତ୍ର ଏହି କଥା ମନ୍ତ୍ରର ମନ୍ତ୍ରୀ ଏହି ଗୁଣ  
ଏହି ଏହି ଏହି ସୁଧା

Phộc nhât-la để khăt-sái-noa, ma ha dã đá phộc nhât-la câu xả, ma ha  
dữu đà, hàm tô thấp-lị, phộc nhât-la nga tị lị-gia, phộc nhât-la một đế, năng mô  
sa-đô đế.

VAJRA TIKṢNA, MAHĀ YATTA, VAJRA KU'SA, MAHĀ YUDHA,  
MAJU'SRÌ VAJRA GAMBHĪRYA, VAJRA BUDDHO, NAMO STUTE.

11\_ Kim Cương Nhân:

ଦ୍ଵାରା ମନ୍ତ୍ରମଣ୍ଡଳ ଏହିରଙ୍କ ମନ୍ତ୍ରମଣ୍ଡଳ ମନ୍ତ୍ରମଣ୍ଡଳ  
ଏହିମଣ୍ଡଳ ଏହି ସୁଧା

Phộc nhât-la hệ đô, ma ha māng noa, phộc nhât-la tác yết-la, ma ha năng  
dã, tô bát-la phộc lật-đa năng, phộc nhât-lô đa tha, phộc nhât-la man noa, năng  
mô sa-đô đế.

VAJRAHETU, MAHĀ MANĀDA, VAJRA CAKRA, MAHĀ NAYA,  
SAPRAVARTTANA VAJRO TATHĀ, VAJRA MANĀDA, NAMO STUTE.

12\_ Kim Cương Ngữ:

ଦ୍ଵାରା ଶୁଦ୍ଧିଶୂନ୍ୟ ଏହିରଙ୍କ ଶୁଦ୍ଧିଶୂନ୍ୟ ଏହି ଶୁଦ୍ଧିଶୂନ୍ୟ  
ଏହିରଙ୍କ ଏହି ସୁଧା

Phộc nhât-la bà sai, tố vĩ nẽ-dã nga-la-dã, phộc nhât-la nhạ ba, tô tất đê  
nại, a phộc tá phộc nhât-la vĩ nẽ-dã nga-la, phộc nhât-la bà sa, năng mô sa-đô  
đế.

VAJRABHAŚA, SUVIDYA GRYA, VAJRAJAPA, SUSIDDHI DA,  
AVĀCA VAJRA VIDYA GRA, VAJRABHAŚA, NAMO STUTE.

13\_ Kim Cương Nghiệp:

ଦ୍ଵାରା ଶୁଦ୍ଧିଶୂନ୍ୟ ଏହି ଶୁଦ୍ଧିଶୂନ୍ୟ ଏହି ଶୁଦ୍ଧିଶୂନ୍ୟ ଏହି ଶୁଦ୍ଧିଶୂନ୍ୟ  
ଏହିରଙ୍କ ଏହି ସୁଧା

Phộc nhât-la yết ma, tô phộc nhât-la chỉ nhạ, yết ma phộc nhât-la, tô tát  
phộc, phộc nhât-la mẫu cụ, ma ha nại lị-gia, phộc nhât-la vĩ thấp-phộc, năng mô  
sa-đô đế.

VAJRAKARMA, SUVAJRA JÑĀ KARMA, VAJRA SUSATVA,  
VAJRĀMOGHA, MAHĀ DORYA, VAJRA VI'SVA, NAMO STUTE.

14\_ Kim Cương Hộ:

ଦ୍ଵାରା ମନ୍ତ୍ରମଣ୍ଡଳ ଏହି ହଶ୍ଚ ମନ୍ତ୍ର ହଶ୍ଚହୃଦୟ ମଣିଶ ଏ  
ଏହି ହିଂମଣ୍ଡଳ ସୁଧା

Phộc nhât-la la khăt-xoa, ma ha phệ lị-gia phộc nhât-la phộc-ma, ma ha  
niết-lị nại nô lị-dữu đà năng, tô vĩ lị-gia nga-la, phộc nhât-la vĩ lật-gia, năng mô  
sa-đô đế.

VAJRARAKṢA , MAHĀ VAIRYA, VAJRA VARMMA, MAHĀ DRDHURYODHANA, SAVIṚYA GRA, VAJRA VĪRYA, NAMO STUTE.

15\_Kim Cương Nha:

ଦ୍ରଧୁରାକ୍ଷମାନପଥ ଦ୍ଵାରା ମନ୍ତ୍ରମଧ୍ୟ ଦ୍ଵାରା ସମ୍ମରଣ ହେଲା ଏହି ଶବ୍ଦରେ ଏହି ଶବ୍ଦରେ

Phộc nhật-la được khắt-sái, ma hộ bà dã, phộc nhật-la nǎng sǎt-tra-la, ma ha bà dã ma la, bát-la ma nẽ phộc nhật-lô nga-la, phộc nhật-la tán noa, nǎng mô sa-đô đế.

VAJRAYAKṢA, MAHĀ PĀYA, VAJRA DAMSTRA, MAHĀ BHAYA MARA, PRAMADI VAJRO GRA, VAJRA CANDA, NAMO STUTE.

16\_Kim Cương Quyền:

ଦ୍ରଧୁରାକ୍ଷମାନପଥ ଶନ୍ତରୂପ ଦ୍ଵାରା ସମ୍ମରଣ ଦ୍ଵାରା ମନ୍ତ୍ରମଧ୍ୟ ଦ୍ଵାରା ଶବ୍ଦରେ ଏହି ଶବ୍ଦରେ

Phộc nhật-la tán địa, tô bà ni địa-tha, phộc nhật-la mān đà, bát-la mộ tả ca, phộc nhật-la māu sǎt-tra-gia nga-la, tam ma diên, phộc nhật-la mưu sǎt-trí, nǎng mô sa-đô đế.

VAJRASANTI, SUBHANEDHYA, VAJRA BANDHA, PRAMOCAKA, VAJRA MUŞTA GRA, SAMAYAM , VAJRA MUŞTA ,NAMO STUTE.

Tiếp đây có Chân Ngôn của các Tôn, nay chẳng phải là sở dụng . Đại khái giống như Đà La Ni lưu truyền ở đời nên lại lược đi.

Phần trên là **Đại Nhật Kiếm Án Quẳng Bản** . Ngày Đại Sư về Triều được **Tuệ Quả** Hoà Thượng truyền cho , còn Lược Bản kia là sở thuật của **Tiểu Tăng Dạ Chính** . Theo truyền thống là như thế.

Năm nay thấy có nhiều Bản truyền tả sai lầm chẳng ít. Nhân đây đổi chiếu hiệu đính ấn bản khiến cho độc giả dễ thấy.

Xong Diễn Ao Sao 42 giải thích Phẩm **Chuyển Tự Luân** , Kệ Quy Kính có ghi:"Quy mệnh Tâm Bồ Đề...." Trở xuống có sáu câu Tán theo bản Phạn được trích trong Đại Nhật Kiếm Án của Tiểu Dạ Tăng Chính rất cực bí vậy.

Theo sự ghi chép của ba Thầy: **Tử Giác, Tuệ Quả, Tông Chính** thì đó là Tán Tâm Bồ Đề của Tỳ Lô Giá Na Như Lai.

Trong hai bản này không có bài Phạn Tán, chắc là viết sót hay là có bản khác nữa? Hãy đợi tìm sau.

Niên Hiệu Hưởng Hòa, năm đầu, năm Tân Dậu, mùa Thu tháng 9, ngày mồng 9

Hòa Châu\_Truờng Cốc Tự \_Hoan Hỷ Viện  
Khoái Đạo ghi

\_Ghi chú của người dịch:

Các phần lược bỏ bên trên đều do người biên soạn lược đi chứ không phải người dịch cắt bỏ. Do nhận thấy phần Phạn Văn ghi nhận công đức của 16 Tôn trong Kinh Kim Cương Đỉnh sai sót khá nhiều, nên người dịch xin phục hồi và chú thích nghĩa Phạn Văn như sau:

1\_ Kim Cương Thủ:

VAJRASATVA (Kim Cương Tát Đỏa) MAHÀ SATVÀ VAJRA (Đại Tát ĐỎA Kim Cương) SARVA TATHÀGATA (Tất cả Như Lai) SAMANTABHADRA (Phổ Hiền) VAJRADYA (Kim Cương Thượng Thủ) VAJRAPÀÑI (Kim Cương Thủ) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

2\_ Kim Cương Vương:

VAJRA RÀJA (Kim Cương Vương) SUBUDDHÀGRYA (Diệu Giác Tối Thượng) VAJRA AÑKU'SA (Kim Cương Câu) TATHÀGATA (Như Lai) AMOGHA VAJRÀGRYA (Bất Không Kim Cương Thượng Thủ) VAJRA AKARŞA (Kim Cương Thỉnh Dẫn) NAMO SUTE (Nay tôi kính lẽ)

3\_ Kim Cương Ai:

VAJRA RÀGA (Kim Cương Ai Nhiễm) MAHÀ SAUKHYA (Đại Phỉ Lạc) VAJRA VAÑA (Kim Cương Tiên: Mũi tên Kim Cương) VA'SAÑKARA (Bậc năng giáng phục) MÀRA KÀMA (Ma Chướng Ai Dục) MAHÀ VAJRA (Đại Kim Cương) VAJRA CÀPA (Kim Cương Cung: Cây Cung Kim Cương) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

4\_ Kim Cương Hỷ:

VAJRA SÀDHU (Kim Cương Thiện Tai) SUVAJRÀGRYA (Diệu Kim Cương Thượng Thủ) VAJRA TUŞTAI (Kim Cương Hỷ Dược) MAHÀ RÀTI (Đại Duyệt Ý) PRAMODYA RÀJA (Hoan Hỷ Vương) VAJRADYA (Kim Cương Thượng Thủ) VAJRÀ HARŞA (Kim Cương Thiện Hỷ) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

Đây là 4 Tôn ở phương Đông, mỗi Tôn có 6 Đức.

5\_ Kim Cương Bảo:

VAJRA RATNA (Kim Cương Bảo) SUVAJRA (Diệu Kim Cương) ARTHA (Nghĩa lợi) VAJRA ÀKÀ'SA (Kim Cương Hư Không) MAHÀ MAÑI (Đại Như Ý Bảo Châu) ÀKÀ'SA GARBHA (Hư Không Tặng) VAJRA HYA (Kim Cương Phú Nhiêu) VAJRA GARBHA (Kim Cương Tặng) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

6\_ Kim Cương Quang:

VAJRA TEJA (Kim Cương Uy Đức) MAHÀ JVALA (Đại Quang Diễm) VAJRA SÙRYA (Kim Cương Nhật: Mặt Trời Kim Cương) JINA PRABHÀ (Tối Thắng Quang) VAJRA RA'SMI (Kim Cương Diệu) MAHÀ TEJA (Đại Uy Đức) VAJRA PRABHÀ (Đại Quang) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

### 7\_ Kim Cương Tràng:

VAJRA KETU (Kim Cương Tràng) SUSATVÀRTHA (Thiện Lợi Chứng Sinh) VAJRA DHVAJA (Kim Cương Tràng ) SUTOŠAKA (Hoan Hỷ) RATNA KETU (Bảo Tràng) MAHÀ VAJRA (Đại Kim Cương) VAJRA YAŞTAI (Kim Cương Quang Hỷ) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

### 8\_ Kim Cương Tiếu:

VAJRA HÀSA (Kim Cương Tiếu) MAHÀ HÀSA (Đại Tiếu) VAJRA SMITA (Kim Cương Vi Tiếu) MAHÀ DABHUTA (Đại Hy Hữu) PRÌTI PRÀMODYA (Lạc Vương Hoan Hỷ) VAJRADYA (Kim Cương Thượng Thủ) VAJRA PRÌTI (Kim Cương Hoan Hỷ) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

Đây là 4 Tôn ở phương Nam trong đó Kim Cương Bảo có 8 Đức, 3 Tôn còn lại mỗi Tôn đều có 7 Đức.

### 9\_ Kim Cương Pháp:

VAJRA DHARMA (Kim Cương Pháp) SUSATVÀRTHA (Thiện Lợi Chứng Sinh) VAJRA PADMA (Kim Cương Liên Hoa) SU'SUDDHAKA (Thiện Tịnh Pháp) LOKE'SVARA (Thế Tự Tại) SUVAJRACAKSU (Diệu Kim Cương Nhẫn) VAJRA NETRE (Kim Cương Nhẫn) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

### 10\_ Kim Cương Lợi:

VAJRA TÌKṢNA (Kim Cương Lợi) MAHÀ YÀNA (Đại Thừa) VAJRA KU'SA (Kim Cương Tặng) MAHÀ YUDHA (Đại Khí Trượng) MAÑJU'SRÌ (Diệu Cát Tường, Văn Thủ Sư Lợi) VAJRA GAMBHIRYA (Kim Cương Thập Thâm) VAJRA BUDDHE (Kim Cương Giác) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

### 11\_ Kim Cương Nhân:

VAJRA HETU (Kim Cương Nhân) MAHÀ MANDALA (Đại Đạo Trường) VAJRA CAKRA (Kim Cương Luân) MAHÀ NAYA (Đại Lý Thú) SUPRAVARTTANA (Diệu Chuyển Luân) VAJRA TATHÀ (Kim Cương Khởi) VAJRA MANDALA (Kim Cương Đạo Trường) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

### 12\_ Kim Cương Ngữ:

VAJRA BHÀṢA (Kim Cương Ngữ) SUVIDYÀGRYA (Diệu Minh Thượng Thủ) VAJRA JÀPA (Kim Cương Niệm Tụng) SUSIDDHI DA (Hay trao cho Diệu Tất Địa) AVÀCA (Vô Ngôn Thuyết) VAJRA SIDDHYÀGRYA (Kim Cương Thượng Tất Địa) VAJRA VÀCA (Kim Cương Ngôn Thuyết) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

Đây là 4 Tôn ở phương Tây, mỗi Tôn đều có 7 Đức

### 13\_ Kim Cương Nghiệp:

VAJRA KARMA (Kim Cương Nghiệp) SUVAJRAJÑA (Diệu Kim Cương Trí) KARMA VAJRA (Tỳ Thủ Kim Cương) SUSARVÀGRA (Thiện biến nhất thiết

xứ) VAJRA AMOGHA (Kim Cương Bất Không) MAHODARYA VAJRA VI'SVA (Đại Khoan Quảng Kim Cương Xảo Diệu) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

14\_ Kim Cương Hộ:

VAJRA RAKŞA (Kim Cương Thủ Hộ) MAHÀ VAIRYAH (Đại Tinh Tiển) VAJRA VARMA (Kim Cương Giáp) MAHÀ DRDHA (Đại Kiên Cố) DRAYODHANA (Khó thể đối địch) SUVÌRYÀGRYA (Diệu Tinh Tiển Thượng Thủ) VAJRA VÌRYA (Kim Cương Tinh Tiển) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

15\_ Kim Cương Nha:

VAJRA YAKŞA (Kim Cương Được Xoa) MAHÀ PÀYA (Đại Phương Sứ) VAJRA DAMŞTRA (Kim Cương Nha) MAHÀ BHAYA (Đại Bố Uy) MÀRA PRAMARTHA (Tồi diệt Ma Chướng) VAJRÀGRA (Kim Cương Thắng Thượng) VAJRA CANDA (Kim Cương Bạo Ác) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

16\_ Kim Cương Quyền:

VAJRA SAMDHİ (Kim Cương Mật Hợp) SUSANADHYA (Thiện Hiện Nghiêm) VAJRA BANDHA (Kim Cương Phộc) PRAMOCAKA (Thiện Năng Giải Thoát) VAJRA MUŞTÀGRYA SAMAYAM (Kim Cương Quyền Thượng Thủ Bản Thệ) VAJRA MUŞTAI (Kim Cương Quyền) NAMO STUTE (Nay tôi kính lẽ)

Đây là 4 Tôn ở phương Bắc, mỗi Tôn đều có 7 Đức

10/05/2006